

Số: **43** /2022/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **31** tháng **10** năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn bằng tiền
hoặc hiện vật thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc

Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định một số nội dung về cơ chế thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 361/TTr-STC ngày 06 tháng 10 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ tư pháp;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo Lào Cai;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, TH1,4,3.

Fau

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Quốc Khánh

Hoàng Quốc Khánh



QUY ĐỊNH

Cơ chế quay vòng một phần vốn bằng tiền hoặc hiện vật thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 43/2022/QĐ-UBND ngày 31 / 10 /2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn bằng tiền mặt hoặc hiện vật (sau đây gọi là kinh phí quay vòng) để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện hoạt động hỗ trợ các dự án, phương án (sau đây gọi chung là dự án) hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng quay vòng vốn: Cá nhân, hộ gia đình tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.
2. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, sử dụng nguồn vốn sự nghiệp hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Nguyên tắc quay vòng

1. Việc quay vòng một phần vốn đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án phải đảm bảo phù hợp với từng dự án được phê duyệt và điều kiện cụ thể của từng tổ nhóm cộng đồng tham gia dự án.
2. Nội dung thực hiện việc quay vòng phải được cộng đồng tham gia dự án đồng thuận và đưa vào nội dung Dự án trình cấp có thẩm quyền.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Hình thức, tỷ lệ và thời gian thu hồi kinh phí quay vòng

1. Hình thức quay vòng: Bằng tiền hoặc hiện vật.
2. Tỷ lệ (%) quay vòng theo số vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho người dân, tổ nhóm cộng đồng để thực hiện dự án (sau đây gọi chung là hỗ trợ trực tiếp cho dự án), cụ thể:

a) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn đặc biệt khó khăn (gồm các huyện nghèo; xã khu vực III; thôn đặc biệt khó khăn của xã không phải là xã khu vực III): Tỷ lệ quay vòng vốn là 5% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho dự án.

b) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn khó khăn (gồm các thôn không thuộc diện đặc biệt khó khăn ở xã khu vực II): Tỷ lệ quay vòng vốn là 10% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho dự án.

c) Đối với dự án thực hiện trên địa bàn còn lại: Tỷ lệ quay vòng vốn là 20% tổng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp cho dự án.

3. Thời gian quay vòng.

a) Tối đa không quá 01 năm đối với gia súc, gia cầm, thủy sản, cây nông nghiệp ngắn ngày.

b) Tối đa không quá 02 năm đối với đại gia súc.

c) Tối đa không quá 05 năm đối với cây ăn quả, cây công nghiệp khác ngoài cây lâm nghiệp.

d) Tối đa không quá 07 năm đối với cây lâm nghiệp.

e) Thời gian quay vòng quy định cụ thể trong quyết định phê duyệt dự án sau khi được tổ, nhóm cộng đồng tham gia dự án đồng thuận. Trường hợp dự án bị tạm dừng, hủy bỏ do các nguyên nhân khách quan thực hiện theo Điều 6 quy định này.

Điều 5. Quản lý, sử dụng và trình tự quay vòng

1. Cơ quan có trách nhiệm thu hồi kinh phí quay vòng.

a) Khi đến thời gian quay vòng theo quy định tại Khoản 3, Điều 4, Quy định này, Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi kinh phí quay vòng và giao nhiệm vụ thu hồi kinh phí quay vòng này cho người đại diện tổ nhóm cộng đồng tự thu, tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp trong tổ nhóm cộng đồng không có người đủ năng lực thu và quản lý thì giao các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan thực hiện thu hồi kinh phí quay vòng.

b) Người đại diện phải được tối thiểu 90% thành viên cộng đồng tham gia thực hiện dự án nhất trí lựa chọn. Kết quả lựa chọn người đại diện, nhiệm vụ cụ thể người đại diện phải được lập thành văn bản, có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Quản lý kinh phí quay vòng trong trường hợp giao cho các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan thực hiện thu hồi kinh phí quay vòng:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) mở tài khoản tiền gửi tại kho bạc nhà nước trên địa bàn để quản lý kinh phí thu hồi khi tổ nhóm cộng đồng không còn nhu cầu sử dụng vốn để sử dụng hỗ trợ dự án phát triển sản xuất cộng đồng mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

b) Các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã được giao nhiệm vụ thu hồi kinh phí quay vòng chuyển phần kinh phí thu được vào tài khoản tiền gửi của

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) để quản lý, sử dụng theo quy định.

3. Sử dụng kinh phí hoặc hiện vật quay vòng.

a) Trường hợp người đại diện tổ, nhóm cộng đồng tự thu thì tổ nhóm cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển trong cộng đồng để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất. Khi tổ nhóm cộng đồng không còn nhu cầu sử dụng vốn để quay vòng, luân chuyển thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi triển khai dự án có trách nhiệm thu hồi kinh phí quay vòng để nộp vào tài khoản tiền gửi theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều này (nếu là hiện vật thì tổ chức bán và thu hồi kinh phí theo quy định).

b) Đối với kinh phí quay vòng được giao cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) cấp huyện quản lý thì Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện sử dụng kinh phí quay vòng để quay vòng, luân chuyển cho các tổ nhóm cộng đồng tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất hoặc hỗ trợ thực hiện dự án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.

c) Kinh phí quay vòng thuộc dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng được quản lý theo xã, được ưu tiên phân bổ để triển khai các dự án hỗ trợ sản xuất cộng đồng thực hiện trên địa bàn xã đó (trường hợp xã có nhu cầu).

d) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý và sử dụng kinh phí quay vòng thực hiện hạch toán kế toán, quản lý kinh phí trên hệ thống kế toán và báo cáo tài chính hàng năm theo chế độ kế toán hiện hành.

4. Chế độ báo cáo.

a) Sau 03 tháng kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi số kinh phí, các cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã được giao nhiệm vụ thu hồi kinh phí quay vòng báo cáo kết quả và số tiền đã nộp vào tài khoản kho bạc nhà nước theo quy định tại Điểm b, Khoản 2 Điều này về Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) để tổng hợp, theo dõi.

b) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) chủ trì báo cáo kết quả thực hiện thu hồi, quản lý, sử dụng kinh phí quay vòng 6 tháng và hàng năm gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, định kỳ 6 tháng và hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 6. Trường hợp hủy bỏ kinh phí quay vòng hoặc gia hạn thời gian thu hồi kinh phí quay vòng

1. Trường hợp trong quá trình triển khai dự án phải tạm dừng, hủy bỏ hoặc triển khai không có hiệu quả do các nguyên nhân khách quan như: thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân bất khả kháng khác, dẫn đến không có kết quả đầu ra theo kế hoạch, người có thẩm quyền phê duyệt dự án xem xét, quyết định việc thu hẹp phạm vi hoặc tạm dừng dự án và gia hạn, hủy bỏ thu hồi kinh phí quay vòng theo thẩm quyền.

2. Các trường hợp thiệt hại từ 30% đến dưới 50% do các nguyên nhân khách quan đã nêu tại Khoản 1, Điều này theo biên bản xác nhận của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) thì thời gian gia hạn thu hồi kinh phí quay vòng tối đa 24 tháng, tỷ lệ (%) thu hồi bằng 50% tỷ lệ (%) quy định tại Khoản 2, Điều 4, Quy định này.

3. Các trường hợp thiệt hại từ 50% trở lên do các nguyên nhân khách quan đã nêu tại Khoản 1, Điều này theo biên bản xác nhận của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế) thì hủy bỏ không thu hồi kinh phí quay vòng.

Điều 7. Quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Ủy ban nhân dân cấp xã thông báo nội dung của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến cộng đồng dân cư thực hiện dự án, bao gồm cả tỷ lệ thu hồi, số kinh phí quay vòng thu hồi, thời gian thu hồi để quay vòng.

2. Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng; hướng dẫn, giám sát, thanh toán, giải ngân vốn dựa trên kết quả nghiệm thu từng giai đoạn hoàn thành nội dung, hoạt động của dự án, phương án sản xuất theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định theo quy định.

3. Cộng đồng dân cư triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án đảm bảo tiến độ và hiệu quả; định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án 6 tháng, hàng năm và tổng kết, gửi Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã phối hợp với Tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn cấp xã có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện dự án của cộng đồng dân cư, kịp thời thông tin, kiến nghị với Ủy ban nhân dân cấp xã những tồn tại, vướng mắc trong tổ chức thực hiện của cộng đồng dân cư.

6. Cộng đồng dân cư, các tổ nhóm cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc dự án, đảm bảo thu hồi kinh phí quay vòng để tiếp tục luân chuyển vốn trong cộng đồng theo quy định.

7. Thực hiện công khai tài chính thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó có việc thu hồi, quản lý và sử dụng kinh phí quay vòng theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Chủ trì hướng dẫn các nội dung liên quan đến việc lựa chọn, phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, cách thức triển khai thực hiện đến Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, biểu mẫu báo cáo liên quan đến lĩnh vực ngành quản lý theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố theo dõi, tổng hợp báo cáo theo định kỳ 06 tháng, hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

c) Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc thực hiện cơ chế quay vòng.

2. Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan thực hiện kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện cơ chế quay vòng.

3. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

a) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng, thẩm định dự án.

b) Phê duyệt hoặc ủy quyền phê duyệt dự án.

c) Căn cứ dự toán tỉnh giao để phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trong cộng đồng theo quy định.

d) Có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức thực hiện có hiệu quả cơ chế quay vòng vốn trong cộng đồng.

e) Định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện trên địa bàn huyện, xã qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chỉ đạo việc xây dựng, quản lý và phê duyệt dự án (nếu được ủy quyền).

b) Quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện dự án do Ủy ban nhân dân cấp huyện giao.

c) Phối hợp chỉ đạo thực hiện các dự án do cấp huyện thực hiện được triển khai trên địa bàn xã.

d) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện quay vòng, luân chuyển kinh phí quay vòng trong cộng đồng.

e) Định kỳ 6 tháng, hàng năm và đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện kết quả thực hiện Quyết định này qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (hoặc Phòng Kinh tế).

5. Trách nhiệm của cộng đồng tham gia thực hiện dự án:

Tổ chức họp để lựa chọn người đại diện cho tổ, nhóm cộng đồng đảm bảo theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 5 Quy định này.

6. Người đại diện cho tổ, nhóm cộng đồng:

a) Quản lý, sử dụng nguồn kinh phí được giao đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả.

b) Chủ trì quản lý, theo dõi, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển kinh phí để tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất đảm bảo chặt chẽ, thống nhất trong cộng đồng, phát huy tối đa hiệu quả nguồn vốn được giao. Kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền khi có yêu cầu.

c) Trường hợp người đại diện cho tổ, nhóm cộng đồng không đủ năng lực thu và quản lý kinh phí quay vòng. Tổ chức họp tổ, nhóm cộng đồng, tổng hợp văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc các cơ quan, đơn vị cấp huyện thực hiện thu hồi kinh phí quay vòng.

7. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.